

Bản án số: **818/2025/HS-PT**
Ngày 06 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Bà Vũ Thị Thu Thuỷ

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Quốc Hùng - *Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 643/TLPT-HS ngày 21/7/2025 đối với các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2025/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Ngô Thị T, sinh năm 1982, tại Hà Nội; tên gọi khác: Ngô Thị L; NĐKHKTT và chỗ ở: K, xã S, TP. Hà Nội. (Trước đây là: Khối 13, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Xuân Đ, sinh năm 1958 (đã chết); Con bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1960; Chồng: Trần Quang T3, sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt tại phiên toà.*

2. Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1978, tại thành phố Hồ Chí Minh; NĐKHKTT: Thôn H, phường P, tỉnh Ninh Bình (Trước đây là: Thôn H, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam); Nơi ở: Số E đường C, tổ I, khu phố A, phường T, TP. Hồ Chí Minh. (Trước đây là: Số E, đường C, tổ I, khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết); Con bà Đặng Thị Thanh X (đã chết); Chồng: Đào Trọng

T4, sinh năm 1976 (đã ly hôn); Con: có 03 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt tại phiên tòa.*

- Những người bào chữa:

+ Các luật sư Lê Cao T5, Nguyễn Thị H1, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư T10 (bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T1); *Có mặt.*

+ Luật sư Dương Văn H2, Công ty L2, Đoàn luật sư tỉnh B (bào chữa cho bị cáo Ngô Thị T); *Vắng mặt.*

- Bị hại: Ngân hàng TMCP N; Trụ sở: 198 đường T, phường H, thành phố Hà Nội; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/5/2015, Công ty cổ phần V, có trụ sở tại số B, đường Q, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội, (gọi tắt là Công ty V) do Ngô Thị T – sinh năm 1982, ở K, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội làm Giám đốc có văn bản gửi Ngân hàng V1 - Chi nhánh C (viết tắt là Ngân hàng V1) đề nghị được làm đơn vị chấp nhận thẻ của Ngân hàng V1. Sau khi được xem xét và ký kết hợp đồng, ngày 30/5/2015, Ngân hàng V1 đã bàn giao cho Ngô Thị T 01 thiết bị thanh toán thẻ (máy POST S78) quản lý. Do Công ty V hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực du lịch, đại lý bán vé máy bay, nên T đã đề nghị Ngân hàng V1 mở chức năng Key-in cho phép Công ty V được phép giao dịch, thanh toán tiền qua thẻ mà không cần chủ thẻ trực tiếp quẹt thẻ.

Năm 2017, Nguyễn Thị Hồng T1 - sinh năm: 1978, trú quán số E, đường C, Tổ I, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có quen biết với anh Cấn Ngọc T6, sinh năm 1984, trú tại G Đ, Phường Hòa T7, Quận T, TP .. Anh T6 quen biết một người Trung Quốc có tên là “A T8”, T6 không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, chỉ trao đổi với nhau qua mạng zalo. Quá trình nói chuyện người này nói có người lao động ở nước ngoài, có nhu cầu chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam. Sau đó T6 nói với T1 về việc này và giới thiệu để người đàn ông Trung Quốc trực tiếp gặp và làm việc với T1. T1 liên lạc và hỏi Trần Xuân T9 - sinh năm: 1975, ở xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, công tác tại Bảo tàng K - Cục C1 - T11 - Bộ Q (là bạn bè quen biết từ trước với T1) về việc quen biết ai có máy quẹt thẻ Visa có chức năng thanh toán thẻ quẹt thì giới thiệu cho T1. Cùng thời gian này, Trần Xuân T9 có quen biết với Ngô Thị T; T9 biết Công ty của T có máy quẹt thẻ Visa có chức năng thanh toán thẻ quẹt nên đã giới thiệu để T1 gặp T. Sau đó, T1 đã trực tiếp gặp và thỏa thuận phương thức rút tiền với T. Do cần tiền để tiêu sài cá nhân, nên T đã đồng ý sử dụng thiết bị quẹt thẻ do Ngân hàng cung cấp để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản thông qua hình thức quẹt thẻ để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của khách hàng. T thỏa thuận sau khi nhận tiền thì T được hưởng 50% số

tiền đã giao dịch, T1 50% số tiền (trong đó để chi trả người Trung Quốc 40%, T1 được hưởng 10%) do T là người có máy quét thẻ. T1 đồng ý và đề nghị T nâng cấp thiết bị quét thẻ để có thêm nhiều tính năng hơn. T1 làm việc với T với danh nghĩa và làm nhân viên kế toán cho Công ty của T.

Ngày 11/8/2017, Ngô Thị T có đơn đề nghị Ngân hàng V1 kích hoạt chức năng đặc biệt gồm: keyin, offline, verify cho máy cà thẻ của Công ty V và được Ngân hàng V1 bàn giao 01 máy 90 đã được nâng cấp tính năng. Từ đó, khách hàng có thể cung cấp thông tin thẻ cho Công ty V để nhân viên nhập mã số thẻ của khách hàng vào thiết bị thanh toán; in hóa đơn chứng từ để khách hàng ký xác nhận hoặc không ký, nhưng phải có thỏa thuận ký kết bằng văn bản để chứng minh có giao dịch. Ngày 11/8/2018, Ngân hàng V1 đã bàn giao 01 thiết bị thanh toán thẻ (máy EDC hiệu S90) cho Ngô Thị T. Sau khi nhận được máy quét thẻ Visa 90 đã được nâng cấp, Ngô Thị T đã giao máy quét thẻ cho Nguyễn Thị Hồng T1 thao tác thực hiện giao dịch để rút tiền. T1 nhập thông tin khách hàng, nếu thẻ hợp lệ thì Ngân hàng V1 trừ tiền trong tài khoản của khách hàng và khấu trừ phần trăm rồi mới chuyển số tiền còn lại vào tài khoản (0541000238707) của Ngô Thị T. Tính đến ngày 04/9/2017, máy quét thẻ S90 đã thực hiện thành công các giao dịch, ngân hàng V1 đã trừ 337.650.000 đồng từ tài khoản của các khách hàng. Ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 225.550.000 đồng do thực hiện giao dịch rút tiền từ tài khoản của khách hàng như đã nêu trên. Sau khi nhận tiền, T chuyển cho T1 170.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó giữa T và T1, T được hưởng lợi khoảng 60.000.000 đồng, T đã sử dụng tiêu sài cá nhân.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng T1 nhận từ T, T1 đã chi trả bằng tiền mặt cho người Trung Quốc số tiền 100.000.000 đồng, cho Trần Xuân T9 và Cấn Ngọc T6 mỗi người 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại T1 đã tiêu sài cá nhân hết.

Đối với số tiền 112.100.000 đồng T và T1 đã thực hiện giao dịch rút tiền từ tài khoản khách hàng. Sau khi Ngân hàng V1 nhận được phản hồi từ các khách hàng thông báo các giao dịch được thực hiện từ tài khoản thẻ visa là giả mạo, đồng thời ngân hàng nhận được thông tin từ Trung tâm thẻ yêu cầu xác minh giao dịch bất thường của Công ty V. Ngày 05/9/2017, Ngân hàng V1 đã đóng băng số tiền 112.100.000 đồng trước khi chuyển đến tài khoản cá nhân của Ngô Thị T để phục vụ điều tra

Ngân hàng V1 đã phải bồi hoàn lại toàn bộ số tiền 326.500.000 đồng cho 08 khách hàng có khiếu nại về việc bị T chiếm đoạt tiền trong tài khoản. Sau đó, Ngô Thị T và Nguyễn Thị Hồng T1 đến ngân hàng làm việc với danh nghĩa là Giám đốc và Kế toán của Công ty M, nhận trách nhiệm, cam kết hoàn thiện hóa đơn, chứng từ liên quan đến các giao dịch từ ngày 21/8/2017 đến ngày 04/9/2017. Nhưng sau đó, T và T1 không xuất trình được chứng từ tài liệu liên quan và cũng không hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ngân hàng. Sau đó, T1 đã đem theo máy 890 về thành phố Hồ Chí Minh và cắt đứt liên lạc với T. Do đó Ngân hàng V1

đã có đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện S đề nghị điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đến nay, bị cáo Ngô Thị T đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng, bị cáo T1 đã trả lại cho T số tiền 30.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng V1 đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt là 214.400.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2025/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 phạm các tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 47 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị T 07 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T1 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2025, các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Các bị cáo: Giữ nguyên kháng cáo của mình, khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra. Công nhận bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội danh là đúng, các bị cáo không bị oan. Đến nay các bị cáo đều đã rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung:* Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt; Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2025/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với các bị cáo; Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 mỗi bị cáo 06 năm 03 tháng đến 06 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện*

điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt Luật sư Dương Văn H2 là người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị T. Bị cáo T có ý kiến từ chối người bào chữa và sẽ tự mình thực hiện việc bào chữa. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/8/2017 đến 04/9/2017, tại địa chỉ số B, đường Q, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội, Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 có hành vi thống nhất với nhau lợi dụng việc Công ty cổ phần V (do T là giám đốc) được Ngân hàng V1 Chi nhánh C trang bị cấp máy quẹt thẻ S90 (là phương tiện điện tử có sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông) để thực hiện các giao dịch giả mạo, rút tiền của các chủ tài khoản. Bị cáo T1 và 01 đối tượng người Trung Quốc (hiện chưa xác định được) trực tiếp thực hiện các giao dịch, rút tiền từ tài khoản của những người khác. Bị cáo T tuy không trực tiếp thực hiện giao dịch giả mạo, nhưng biết và đồng ý giao máy quẹt thẻ S90 cho Nguyễn Thị Hồng T1 sử dụng để thực hiện các giao dịch giả mạo, nhằm hưởng lợi bất chính. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt được xác định là 337.650.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, với tính chất đồng phạm, chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, gây lo

lắng cho nhân dân và các tổ chức tín dụng. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng; Gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng, đề từ đó giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt và xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù.

- Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử có xem xét thêm: Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s và b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hậu quả vật chất của vụ án đã được khắc phục toàn bộ; Hai bị cáo đều là phụ nữ đã ly hôn, hiện đang nuôi con nhỏ; Mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin được hưởng án treo.

[2.3] Về các nội dung khác

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị Hồng T1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin được hưởng án treo.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2025/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

- **Áp dụng:** điểm a khoản 3 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ **Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ **Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSD tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- TAND Khu vực 7, TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7, TP. Hà Nội;
- Thi hành án DS TP. Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 7, TP. Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy